

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 74 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2023.

V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khắc Dinh

Ông Nguyễn Quốc Nông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2023/HNGĐST ngày 19/5/2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thế Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, Xã C, huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh H.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Tại phiên tòa chị Tr và anh Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Lê Thế Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Tr tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Năm 2020 chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và từ đó đến nay không quan tâm hay có trách nhiệm gì với gia đình. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Bùi Thị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Lệ Q, sinh ngày 17/3/2016.

Tại thời điểm anh Đ làm đơn khởi kiện cho đến nay chị Tr không có mặt tại Việt Nam nên anh Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lệ Q. Không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Bùi Thị Tr tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị Tr vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H, địa chỉ tại thôn S, xã T, huyện H, tỉnh H. Anh Đ đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố, mẹ chị Bùi Thị Tr.

** Tại các buổi xác minh tại gia đình chị Bùi Thị Tr, có mặt mẹ đẻ chị Tr là bà Nguyễn Thị H Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà H.*

** Tại các biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Hải trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của chị Bùi Thị Tr và là mẹ vợ của anh Lê Thế Đ. Anh Đ và chị Tr có đăng ký kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/5/2015. Sau khi kết hôn thì về ở Thôn Thanh Thịnh, Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2020 đi sang Nhật Bản đi xuất khẩu lao động thì phát sinh mâu thuẫn vì anh Đ thường xuyên đánh đập và xúc phạm đến chị Tr, đến năm 2023 thì chị Tr về nước ăn tết sau đó lại quay trở lại Nhật Bản để làm việc. Việc anh Đ xin ly hôn với chị Tr thì chị Tr cũng biết, gia đình không đồng ý với lý do của anh Đ vì chị Tr đi xuất khẩu lao động vào ngày 28/12/2020 đến tháng 12/2022 chị Tr vẫn gửi tiền về cho gia đình nhưng từ năm 2023 do mâu thuẫn gia đình anh Đ nói sai sự thật là chị Tr không có gửi tiền về nên từ đó chị Tr không gửi tiền về nữa mà chỉ gửi mua đồ sinh hoạt cho con gái là cháu Lệ Q. Hiện bà H không biết địa chỉ cụ thể của chị Tr ở Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án, bà vẫn thường xuyên liên lạc được với chị Tr bằng điện thoại, Zalo, Facebook nên đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Tr biết. bà cho biết anh Đ và chị Tr có một con chung là cháu Lê Thị Lệ Q sinh ngày 17/3/2016, gia đình bà sẽ đón cháu về cuối tuần vì cháu đang học ở Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nguyện vọng của gia đình bà là nuôi cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có tài sản chung.

**Quá trình giải quyết vụ án cháu Lê Thị Lệ Q có nguyện vọng được ở với bố là Lê Thế Đ nếu bố mẹ ly hôn.*

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Thế Đ, xử cho anh Lê Thế Đ được ly hôn với chị Bùi Thị Tr; Giao cháu Lê Thị Lê Q sinh ngày 17/3/2016 cho anh Lê Thế Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Lê Thế Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày hiện tại bị đơn chị Bùi Thị Tr đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại công văn số: 9521/QLXNC-P5 ngày 25/4/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an kèm theo Danh sách xuất nhập cảnh ngày 25/4/2023 cung cấp thông tin cho Tòa án xác định chị Bùi Thị Tr, sinh ngày 20/3/1997 đã xuất cảnh 03 lần, lần gần nhất là ngày 31/01/2023. Do trong vụ án này có bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên có nơi cư trú cuối cùng tại xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh Lê Thế Đ chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Bùi Thị Tr ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị Tr tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng mẹ đẻ của chị Tr trình bày không biết địa chỉ chị Tr ở Nhật Bản. Tuy nhiên gia đình vẫn nắm bắt thông tin gọi điện thoại, Zalo, Facebook cho chị Tr ở nước ngoài nên mẹ chị Tr là bà H đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị Tr, vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Thế Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Bùi Thị Tr vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lê Thế Điệp và chị Bùi Thị Trang.

[2]. Xét nội dung khởi kiện của anh Lê Thế Đ:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Lê Thế Đ và chị Bùi Thị Tr kết hôn trên

cơ sở tự nguyện, có Giấy đăng ký kết hôn số: 55 ngày 19/5/2015 do UBND xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn đến tháng 12/2020 thì chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và từ đó vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau không còn tình cảm và đã sống ly thân cho đến nay. Nay anh Đ thấy tình cảm vợ chồng đã hết đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ xin được ly hôn với chị Tr để sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy, cuộc sống chung của anh Đ và chị Tr không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là cùng tạo lập, xây dựng cuộc sống chung không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thế Đ, cho anh Lê Thế Đ được ly hôn chị Bùi Thị Tr là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh Lê Thế Đ và chị Bùi Thị Tr có một con chung là cháu Lê Thị Lệ Q sinh ngày 17/3/2016. Hiện nay cháu Lệ Q đang ở với anh Đ, hiện cháu đang học trường tiểu học ở Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nguyện vọng của anh Điệp là trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy hiện tại chị Tr đang làm việc tại Nhật Bản, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lệ Q, hiện tại cháu Lệ Q đang ở với anh Đ từ khi chị Tr đi Nhật Bản đến nay ăn ở, học hành ổn định, đồng thời cháu Lệ Q có nguyện vọng ở với anh Đ nên giao cháu Lệ Q cho anh Đ là bố để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên, quá trình nuôi dưỡng con chung, để bảo đảm cuộc sống cho cháu, khi cần thiết anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ: Lê Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét. Chị Tr không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này chị Trang có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác

[3]. Về án phí: Anh Lê Thế Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Thế Đ.

- Về hôn nhân: Anh Lê Thế Đ được ly hôn với chị Bùi Thị Tr.

- Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị Lê Q sinh ngày 17/3/2016 cho anh Lê Thế Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị Bùi Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Thế Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H nộp thay cho anh Đ đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2022/0000412 ngày 18/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Thế Đ và chị Bùi Thị Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND X. C.H.H, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, tổ HCTP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đại Long